

# WEEKLY WRAP

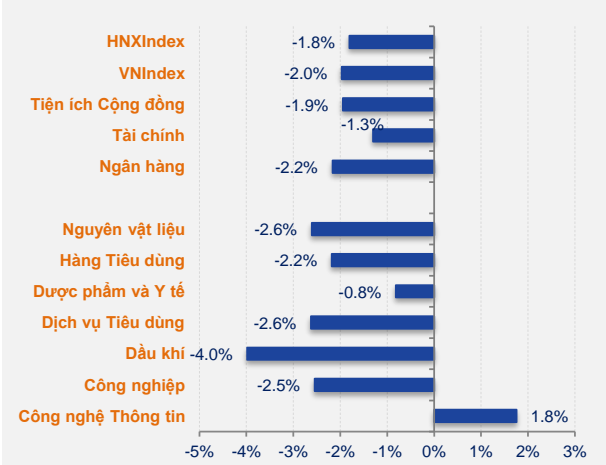
Tuần GD: 11/12/2023 - 15/12/2023

## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thông kê thị trường</b>				
Index	1,102.30 ↓	-2.0%	227.02 ↓	-1.8%
KLGD (trCP)	3,395.83 ↓	-27.6%	444.46 ↓	-31.0%
GTGD (tỷ VND)	77,516.89 ↓	-25.7%	8,766.53 ↓	-32.0%
Tổng cung (trCP)	7,538.92 ↓	-25.8%	755.73 ↓	-21.6%
Tổng cầu (trCP)	7,381.60 ↓	-26.8%	663.99 ↓	-23.1%
<b>Giao dịch NĐT nước ngoài</b>				
KL mua (trCP)	258.82 ↑	44.8%	22.68 ↑	552.3%
KL bán (trCP)	371.43 ↑	18.1%	19.36 ↑	155.5%
GT mua (tỷ VND)	8,131.34 ↑	50.8%	614.03 ↑	464.6%
GT bán (tỷ VND)	11,601.97 ↑	24.2%	459.26 ↑	152.8%

Thị trường trải qua tuần giao dịch có diễn biến kém tích cực dưới áp lực bán ròng mạnh liên tiếp của khối ngoại với động thái giao dịch được cho là từ các nhà đầu tư Thái Lan khi Thái Lan sẽ áp thuế thu nhập cá nhân với khoản đầu tư nước ngoài, áp dụng vào đầu năm 2024. VN-INDEX sau 02 phiên đầu tuần tăng điểm nhẹ ở vùng 1.130 điểm tương ứng vùng giá cao nhất tháng 11/2023 đã có 03 phiên liên tiếp chịu áp lực bán khá mạnh. Kết thúc tuần VN-INDEX ở mức 1.102,30 điểm giảm 1,97% so với tuần trước. HNX-INDEX có diễn biến tương tự, kết tuần HNX-INDEX giảm 1,81% so với tuần trước về mức 227,02 điểm.

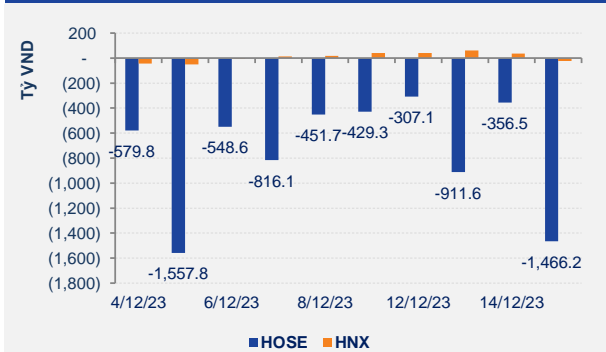
### Biến động giá Ngành theo Tuần



Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 77.512,71 tỷ đồng, giảm 25,8% so với tuần trước, khối lượng giao dịch giảm 27,6%. Thể hiện thị trường phân hóa, nhiều mã vẫn tích lũy, hồi phục tốt trước áp lực bán. Thanh khoản HNX giảm 32,0% so với tuần trước với 8.766,53 tỷ đồng được giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch tiếp tục bán ròng đột biến trong tuần với giá trị 3.461,28 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng mạnh nhóm ngân hàng, thép, bất động sản; mua ròng trên HNX với giá trị 154,77 tỷ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như: FED quyết định giữ nguyên lãi suất (5,25% - 5,5%) sau cuộc họp chính sách, đồng thời lần đầu tiên kể từ tháng 3/2021, các nhà hoạch định chính sách đưa ra dự báo sẽ không tăng thêm lãi suất và dự kiến ít nhất sẽ có 3 lần cắt giảm lãi suất vào năm 2024. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đều quyết định tiếp tục giữ nguyên lãi suất. Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) cho biết thương mại toàn cầu trong năm nay ước tính sụt giảm 5% so với năm ngoái, đồng thời dự báo triển vọng ảm đạm vào năm 2024.

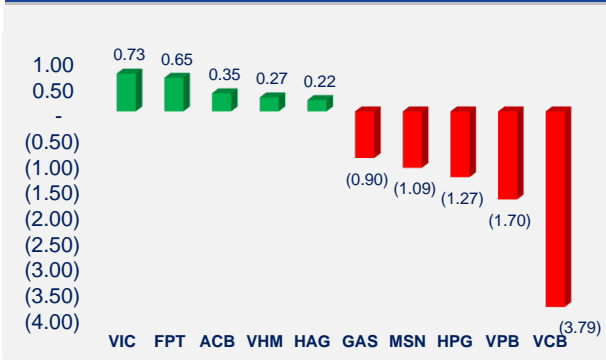
### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 sau tuần phục hồi tốt đa số chịu áp lực điều chỉnh mạnh trở lại dưới áp lực bán của khối ngoại, thanh khoản trên mức trung bình như MSN (-4,83%), BCM (-4,62%), VPB (-4,59%), MWG (-4,34%), SAB (-4,27%), STB (-3,90%)... ngoài các mã vẫn duy trì xu hướng tích cực với FPT (+2,12%), VIC (+1,75%), ACB (+1,56%), HDB (+1,11%)...

Các cổ phiếu nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến kém tích cực hơn, đa số chịu áp lực điều chỉnh mạnh, thanh khoản ở mức trung bình với PDR (-8,36%), L14 (-6,07%), DIG (-5,79%), QCG (-5,65%), NHA (-5,62%)... Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng có diễn biến tương tự, đa số chịu áp lực bán khá mạnh, thanh khoản trên mức trung bình như DTD (-6,11%), KBC (-5,68%), VGC (-5,20%), TIP (-4,72%), BCM (-4,62%)...

### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Trong khi đó các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán lại có diễn biến phân hóa tích cực hơn với MBS (+2,73%), HCM (+1,61%), FTS (+0,71%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản trên mức trung bình như VIX (-4,07%), VFS (-3,72%), PSI (-3,30%), VCI (-3,11%)...

Trên thị trường phái sinh kết thúc tuần kỳ hạn VN30F2312 ở mức 1.099,3 điểm giảm 1,14% so với tuần trước, chênh lệch dương 1.90 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch duy trì ở mức trung bình khi thị trường biến động. Khối lượng mở OI vẫn duy trì ở mức cao khi thị trường sẽ đảo hạn trong tuần tiếp theo. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 tiếp tục tích lũy kém tích cực hơn dưới vùng kháng cự quanh 1.110 điểm, vùng hỗ trợ quanh 1.100 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,2 điểm đến -2,4 điểm, các mức chênh lệch thu hẹp, cho thấy các trader vẫn vẫn chưa lạc quan với VN30, nghiêng về VN30 sẽ phục hồi trong phiên tiếp theo, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 11/12/2023 - 15/12/2023

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần này VnIndex điều chỉnh nhưng vẫn giữ được ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.102,30 điểm (-22,41 điểm, -1,97%). Thị trường đang có xu hướng vận động chặt chẽ dần trong cả ngắn và trung hạn và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ dần hình thành nền tích lũy mới. Khu vực tích lũy kỳ vọng như chúng tôi trình bày ở trên.

Kinh tế toàn cầu và Việt Nam đang bước vào những tuần cuối cùng của năm 2023 với nhiều biến động và tăng trưởng suy giảm so với năm 2022, đặc biệt tại khu vực EU. Mặc dù lạm phát tại nhiều quốc gia đã lắng dịu nhưng sẽ còn dai dẳng, nhiều nền kinh tế được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2024 do chịu tác động từ môi trường lãi suất cao trong năm nay. Những yếu tố này sẽ có những tác động nhất định nhưng chưa thể lượng hóa tới kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới. Điểm tích cực là FED đã phát tín hiệu dừng tăng lãi suất và kỳ vọng điều chỉnh hạ dần mật bằng lãi suất cơ sở từ năm 2024, lãi suất của Việt Nam đang được duy trì ổn định ở mức thấp. Với bối cảnh như vậy, việc thị trường tìm đến điểm cân bằng và tạo nền tích lũy chờ động thái chuyển động vĩ mô tiếp theo cũng là vận động phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn đang trong nhịp điều chỉnh trong nền tích lũy và vẫn có kỳ vọng phục hồi và hướng tới cân ngắn hạn 1.150 điểm nếu VnIndex tăng điểm trở lại và test hỗ trợ 1.100 điểm thành công. Nhà đầu tư ngắn hạn trong trường hợp này vẫn có thể giải ngân với tỷ trọng thấp bởi nhịp hồi phục nếu có diễn ra cũng sẽ khó dự báo và có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào. Trong trung, dài hạn thị trường dù mất xu hướng uptrend nhưng sẽ đi tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại nên rủi ro trung dài hạn không cao. Nhà đầu tư trung hạn vẫn có thể xem xét giải ngân trong các giai đoạn giảm điểm, mục tiêu nên hướng tới các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng trong năm tới và đang vận động trong trạng thái tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 11/12/2023 - 15/12/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BFC	24.55	21-22	26-27	21	10.9	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PET	26.20	24.5-25.5	31-32	23	35.6	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	40.50	37-38	44-46	35	8.8	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	32.75	31-33	38-39	29	8.2	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	30.70	30.5-31.2	34-35	29	16.2	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	25.10	22.3	28-28.5	25	12.6%	Nắm giữ
11/1/2023	DTD	24.60	18.6	26-27	24	32.3%	Nắm giữ
11/8/2023	PVT	25.30	24.45	30-31	25.5	3.5%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	47.30	45.1	52-53	47	4.9%	Nắm giữ
22/8/2023	LSS	10.90	11.4	15-16	11	-4.4%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ**

**Năm 2024, Hà Nội đặt mục tiêu GRDP bình quân đầu người đạt 162 triệu đồng**

Thông tin tại Hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, biên chế hành chính, sự nghiệp, khoa học - công nghệ và phát động phong trào thi đua năm 2024 của TP Hà Nội diễn ra chiều 14/12, Chánh Văn phòng UBND Thành phố Trương Việt Dũng cho biết năm 2024 Hà Nội đặt ra Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gồm 24 chỉ tiêu. Trong đó, nổi bật là các chỉ tiêu về tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 6,5 - 7%; GRDP bình quân đầu người 160 - 162 triệu đồng; tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện tăng 10,5 - 11,5%; tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 4 - 5%; Chỉ số giá tiêu dùng dưới 4%...

**Đồng USD bị bán tháo sau tín hiệu chính sách tiền tệ trái chiều giữa Fed và ECB**

Nguyên nhân khiến USD rớt giá mạnh là tín hiệu chính sách tiền tệ trái ngược giữa Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB): Fed dự kiến bắt đầu giảm lãi suất trong năm 2024, trong khi ECB vẫn giữ quan điểm cứng rắn... Đồng USD giảm giá xuống mức thấp nhất so với đồng euro và thấp nhất hơn 4 tháng so với đồng yên Nhật, khi giới đầu tư ồ ạt bán tháo bạc xanh trong phiên giao dịch ngày 14/12. Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh đồng USD so với 6 đồng tiền chủ chốt khác giảm 0,89% trong phiên ngày thứ Năm, chốt phiên ở mức 101,95 điểm. Đồng euro tăng giá 1,08% so với USD trong phiên ngày thứ Năm, đạt mức 1,0991 USD đổi 1 USD, cao nhất kể từ hôm 29/11.

**Thái Bình sắp đón dự án FDI 2 tỷ USD từ Nhật Bản**

Dự án nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình tại xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, có tổng vốn đầu tư hơn 2 tỷ USD. Chia sẻ với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình Ngô Đông Hải cho biết dự kiến, trong khuôn khổ chuyển công tác tại Nhật Bản của Thủ tướng Phạm Minh Chính, lãnh đạo tỉnh Thái Bình sẽ trao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình cho liên danh 3 nhà đầu tư: Công ty Tokyo gas, Công ty Điện lực Bắc Kyuden của Nhật Bản và Tập đoàn Trường Thành của Việt Nam. Đây là dự án có quy mô lớn, với công suất 1500 MW, tổng vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD, đặt tại xã Thái Đô, huyện Thái Thụy.

**Goldman Sachs vừa điều chỉnh dự báo: Fed sẽ hạ lãi suất sớm hơn, nhanh hơn trong năm 2024**

Các nhà kinh tế của Goldman Sachs đã điều chỉnh dự báo chính sách tiền tệ tại Mỹ. Họ cho rằng Cục Dự trữ Liên bang (Fed) sẽ hạ lãi suất ngay từ tháng 3/2024. Trong báo cáo mới nhất, các nhà kinh tế của Goldman Sachs dự đoán lạm phát tính theo thước đo ưa thích của Fed là chỉ số giá chi tiêu tiêu dùng cá nhân lõi (PCEPI lõi) sẽ đạt 2,1% vào cuối năm tới. Hiện tại, các nhà kinh tế của Goldman Sachs kỳ vọng Fed sẽ giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vào tháng 3, tháng 5 và tháng 6 năm tới. Trong các quý sau, Fed sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ.

**TIN DOANH NGHIỆP****EVNGENCO3 (PGV) dự kiến chi 1,040 tỷ đồng trả cổ tức**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 sẽ thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chia cổ tức và thực hiện thủ tục để tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền, với tổng tỷ lệ chi trả 9.26%, tương ứng số tiền là 1,040 tỷ đồng. Cụ thể, theo phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 đã được Hội đồng quản trị thông qua, tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng tiền là 6.66%/mệnh giá. Tức mỗi cổ đông sở hữu một cổ phiếu nhận về 666 đồng. Với 1.1 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, tổng giá trị chi trả dự kiến là hơn 748 tỷ đồng Ngày đăng ký cuối cùng là 29/12/2023. EVNGENCO3 sẽ hoàn tất thanh toán với các cổ đông ngày 04/3/2024.

**FPT lãi trước thuế 11 tháng trên 8,500 tỷ, sắp cán đích kế hoạch năm**

CTCP FPT (HOSE: FPT) vừa công bố kết quả kinh doanh 11 tháng năm 2023, với doanh thu 47,201 tỷ đồng và lãi trước thuế 8,545 tỷ đồng, tăng lần lượt hơn 20% và 19% so với cùng kỳ. Lãi ròng đạt 6,027 tỷ đồng và EPS 4,757 đồng/cp, tăng 19% và 18%. Năm 2023, “ông lớn” ngành công nghệ lên kế hoạch tổng doanh thu 52,289 tỷ đồng và lãi trước thuế 9,055 tỷ đồng, tăng 19% và 18% so với năm trước. Kết thúc 11 tháng, FPT thực hiện được hơn 90% chỉ tiêu doanh thu và hơn 94% mục tiêu lợi nhuận năm. Trong 11 tháng, “đầu tàu” chủ chốt - khối Công nghệ (gồm Dịch vụ CNTT trong nước và Dịch vụ CNTT nước ngoài) đạt doanh thu 27,980 tỷ đồng và lãi trước thuế 3,956 tỷ đồng, tăng 23% và 21% so với cùng kỳ.

**Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm quốc tế của PV Power (POW)**

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings vừa thông báo nâng xếp hạng tín nhiệm Nhà phát hành nợ dài hạn (Long-term Issuer default ratings - IDR) cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và các công ty con đã được xếp hạng từ mức 'BB' lên 'BB+' với triển vọng ổn định. Động thái này của Fitch được diễn ra ngay khi Fitch Ratings nâng Xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ dài hạn (Long-term Issuer default ratings - IDR) của Việt Nam từ mức 'BB' lên 'BB+', với triển vọng ổn định vào ngày 8/12/2023.

**Becamex (BCM) lên kế hoạch huy động 1.300 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ**

Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex, mã BCM – sàn HOSE) thông qua chủ trương phát hành trái phiếu riêng lẻ doanh nghiệp năm 2023 với tổng mệnh giá tối đa 1.300 tỷ đồng. Becamex thông qua chủ trương phát hành 1.300 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ năm 2023. Trong đó, Công ty chưa công bố chi tiết về kế hoạch sử dụng nguồn vốn từ đợt phát hành trái phiếu, kế hoạch bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành. Ngoài ra, Becamex cũng thông qua dùng tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc bên thứ ba làm tài sản đảm bảo cho lô trái phiếu (không nêu chi tiết tài sản nào).

**HOSE**
**Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	10,047,001	FUEVFNVD	(16,440,220)
2	NVL	7,892,215	HPG	(13,621,695)
3	NKG	1,813,939	VPB	(11,005,624)
4	ITA	1,327,472	STB	(9,511,200)
5	HDB	789,657	SHB	(6,929,640)

**HNX**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	6,243,499	SHS	(2,334,559)
2	IDC	1,861,755	HUT	(1,457,700)
3	LAS	329,181	PVS	(911,261)
4	IPA	106,000	DHT	(129,726)
5	SD5	55,400	NVB	(110,500)

**Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	18.05	16.50	↓ -8.59%	181,086,442
HPG	27.60	26.80	↓ -2.90%	170,251,296
VND	22.75	21.80	↓ -4.18%	167,715,636
HAG	12.60	13.05	↑ 3.57%	147,428,712
SHB	11.00	10.80	↓ -1.82%	135,387,697

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	19.70	18.50	↓ -6.09%	135,300,084
CEO	23.60	22.80	↓ -3.39%	87,284,008
HUT	21.30	19.50	↓ -8.45%	42,083,806
PVS	40.20	37.50	↓ -6.72%	29,160,165
MBS	23.40	22.60	↓ -3.42%	25,218,066

**Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	12.80	17.00	4.2	↑ 32.81%
DXV	3.76	4.70	0.9	↑ 25.00%
HQC	3.80	4.44	0.6	↑ 16.84%
NO1	9.95	11.25	1.3	↑ 13.07%
PGI	22.50	24.95	2.5	↑ 10.89%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ATS	11.60	18.80	7.2	↑ 62.07%
LBE	14.60	19.20	4.6	↑ 31.51%
MAC	12.40	15.80	3.4	↑ 27.42%
ARM	29.20	37.20	8.0	↑ 27.40%
VE8	4.40	5.50	1.1	↑ 25.00%

**Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần**

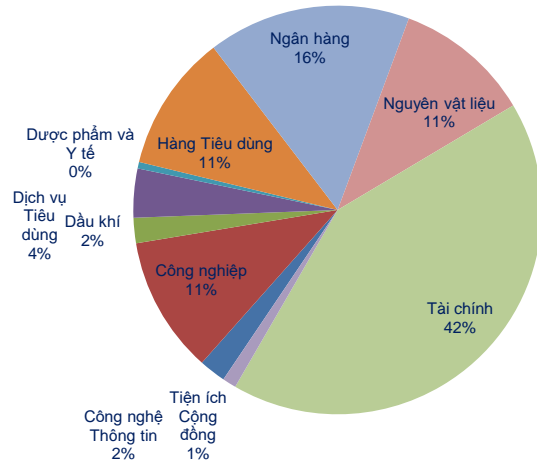
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
YEG	18.80	11.85	-7.0	↓ -36.97%
NHH	21.95	19.00	-3.0	↓ -13.44%
VMD	20.15	17.50	-2.7	↓ -13.15%
TTE	12.65	11.00	-1.7	↓ -13.04%
HU1	8.00	7.00	-1.0	↓ -12.50%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGD	19.20	10.60	-8.6	↓ -44.79%
HTP	20.20	13.00	-7.2	↓ -35.64%
SDU	26.30	17.50	-8.8	↓ -33.46%
TXM	5.60	4.10	-1.5	↓ -26.79%
BED	31.50	23.10	-8.4	↓ -26.67%

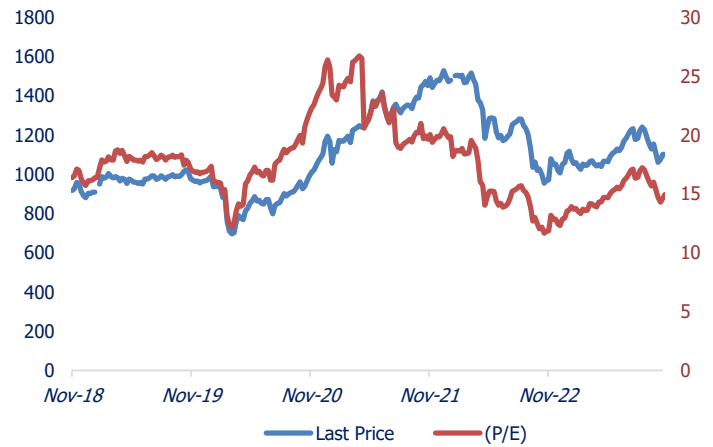
(\*) Giá điều chỉnh



## Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



## Chuỗi PE ngành và thị trường



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	181,086,442	8.2%	1,005	16.4	1.3
HPG	170,251,296	1.9%	322	84.1	1.6
VND	167,715,636	7.8%	957	22.4	1.7
HAG	147,428,712	18.6%	1,070	12.6	2.4
SHB	135,387,697	15.9%	2,036	5.3	0.8

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	135,300,084	5.4%	643	28.3	1.5
CEO	87,284,008	6.7%	955	23.7	1.8
HUT	42,083,806	0.8%	122	161.0	1.6
PVS	29,160,165	6.7%	1,846	20.4	1.3
MBS	25,218,066	10.4%	1,104	19.9	2.0

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FDC	↑ 32.8%	-44.5%	-5,135	-	1.5
DXV	↑ 25.0%	-2.0%	-226	-	0.4
HQC	↑ 16.8%	0.1%	12	353.1	0.5
NO1	↑ 13.1%	2.4%	303	34.8	0.8
PGI	↑ 10.9%	0.0%	0	-	1.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ATS	↑ 62.1%	0.6%	74	232.2	1.4
LBE	↑ 31.5%	7.1%	815	21.7	1.5
MAC	↑ 27.4%	23.3%	2,538	6.2	1.3
ARM	↑ 27.4%	15.1%	1,778	20.9	3.0
VE8	↑ 25.0%	-57.7%	-3,587	-	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	10,047,001	7.8%	957	22.4	1.7
NVL	7,892,215	-1.4%	-309	-	0.7
NKG	1,813,939	-4.8%	-975	-	1.1
ITA	1,327,472	-2.1%	-232	-	0.7
HDB	789,657	20.7%	2,926	6.5	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	6,243,499	6.7%	955	23.7	1.8
IDC	1,861,755	17.0%	3,177	16.1	3.0
LAS	329,181	8.5%	1,018	14.4	1.2
IPA	106,000	-1.3%	-236	-	0.8
SD5	55,400	3.4%	619	11.8	0.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	471,719	22.6%	6,013	14.0	3.0
BID	237,138	17.6%	3,450	12.1	2.0
GAS	176,619	19.0%	5,283	14.6	2.8
VHM	175,481	25.0%	9,468	4.3	1.0
VIC	167,050	2.7%	977	44.8	1.1

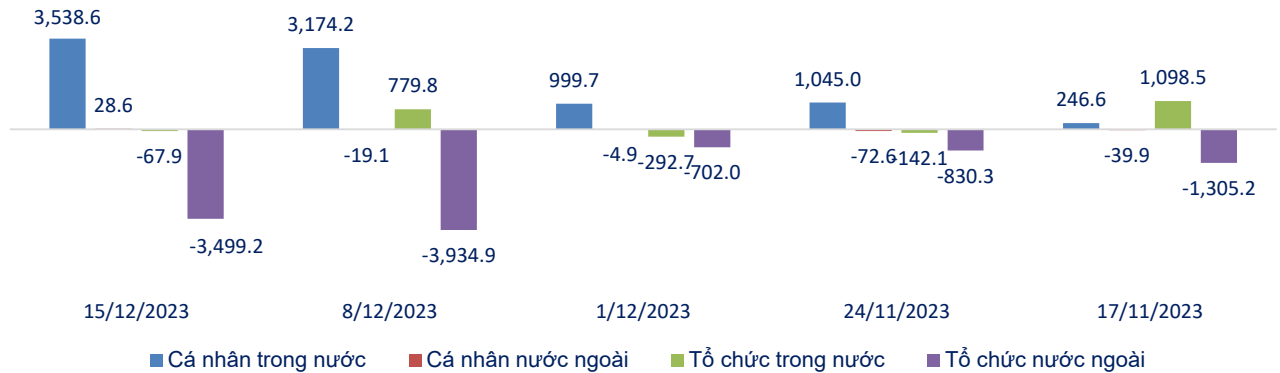
## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,019	6.7%	1,846	20.4	1.3
HUT	17,493	0.8%	122	161.0	1.6
IDC	16,896	17.0%	3,177	16.1	3.0
SHS	14,799	5.4%	643	28.3	1.5
THD	13,398	2.9%	460	75.7	2.2



## GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	359.40	17.5%	3,825	7.1	1.2
OPC	266.49	15.8%	2,096	11.4	1.8
VCB	265.44	22.6%	6,013	14.0	3.0
VNM	250.39	24.4%	4,029	17.0	4.2
VPB	230.98	9.7%	1,491	12.7	1.0

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-250.49	7.8%	957	22.4	1.7
PET	-165.41	3.8%	733	36.0	1.3
ACB	-127.68	23.8%	3,839	5.9	1.3
NVL	-111.01	-1.4%	(309)	-	0.7
MBB	-72.91	22.4%	4,290	4.2	1.0

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	6.62	8.2%	1,005	16.4	1.3
DXG	4.26	-2.0%	(456)	-	0.8
SSI	4.10	8.9%	1,346	23.8	2.1
MWG	3.99	3.0%	476	87.4	2.6
SZC	3.65	12.5%	1,670	25.1	3.0

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	-8.42	-47.5%	(3,857)	-	0.7
KDC	-6.11	9.2%	2,668	23.5	2.0
DPM	-5.96	12.3%	4,017	8.3	1.1
BID	-3.80	17.6%	3,450	12.1	2.0
VND	-2.40	7.8%	957	22.4	1.7

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	318.84	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	267.57	1.9%	322	84.1	1.6
PET	165.62	3.8%	733	36.0	1.3
ACB	127.68	23.8%	3,839	5.9	1.3
MBB	73.16	22.4%	4,290	4.2	1.0

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OPC	-266.49	15.8%	2,096	11.4	1.8
EIB	-138.84	8.3%	1,013	18.3	1.5
STB	-96.46	17.5%	3,825	7.1	1.2
HSG	-67.67	0.2%	37	565.7	1.2
KOS	-66.28	0.8%	80	488.2	3.7

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	222.49	7.8%	957	22.4	1.7
NVL	134.19	-1.4%	(309)	-	0.7
NKG	41.80	-4.8%	(975)	-	1.1
CMG	30.06	9.7%	1,620	24.0	2.3
BCM	20.29	2.5%	432	147.6	3.7

## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-418.81	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	-370.34	1.9%	322	84.1	1.6
VCB	-266.82	22.6%	6,013	14.0	3.0
STB	-265.30	17.5%	3,825	7.1	1.2
VNM	-262.20	24.4%	4,029	17.0	4.2

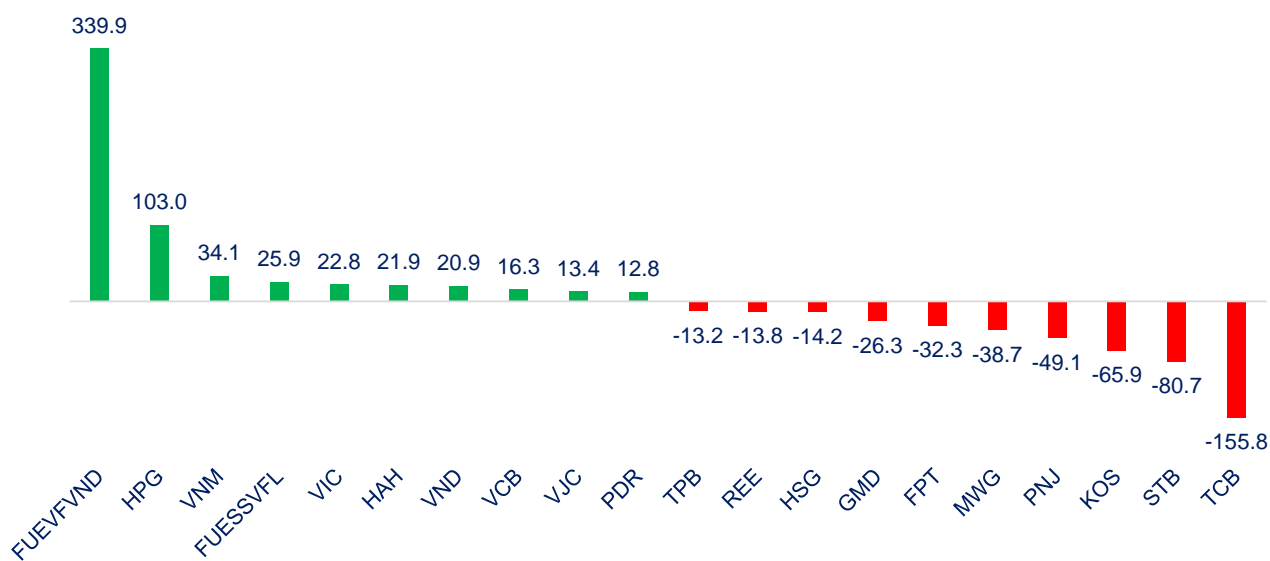




Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
31/10/2023	15/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	<b>SFC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
3/11/2023	15/12/2023	17/11/2023	16/11/2023	<b>STW</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
1/11/2023	15/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	<b>DNW</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/11/2023	15/12/2023	8/12/2023	7/12/2023	<b>TV3</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/11/2023	15/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	<b>GDA</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/11/2023	15/12/2023	1/12/2023	30/11/2023	<b>DLM</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/11/2023	15/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	<b>VGP</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/12/2023	15/12/2023	12/12/2023	11/12/2023	<b>VIB</b>	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
16/11/2023	15/12/2023	29/11/2023	28/11/2023	<b>SBT</b>	Sự kiện khác
11/12/2023	15/12/2023	15/12/2023	15/12/2023	<b>IBC</b>	Chuyển Sàn
11/12/2023	15/12/2023	18/12/2023	15/12/2023	<b>SHE</b>	Phát hành cổ phiếu
3/11/2023	16/12/2023	17/11/2023	16/11/2023	<b>BTG</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
1/12/2023	16/12/2023	12/12/2023	11/12/2023	<b>CRV</b>	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
25/1/2021	18/12/2023	15/12/2023	15/12/2023	<b>PNJ</b>	Niêm yết thêm
24/11/2023	18/12/2023	4/12/2023	1/12/2023	<b>ECI</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/11/2023	18/12/2023	5/12/2023	4/12/2023	<b>WSB</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/12/2023	18/12/2023	15/12/2023	15/12/2023	<b>BLF</b>	Chuyển Sàn
12/12/2023	18/12/2023	15/12/2023	15/12/2023	<b>TGG</b>	Tạm dừng Niêm yết
16/6/2023	20/12/2023	30/6/2023	29/6/2023	<b>IJC</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	20/12/2023	5/9/2023	31/8/2023	<b>TKU</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/11/2023	20/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	<b>LDP</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
9/11/2023	20/12/2023	23/11/2023	22/11/2023	<b>LTC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
6/11/2023	20/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	<b>HGM</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/11/2023	20/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	<b>VEA</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/11/2023	20/12/2023	5/12/2023	4/12/2023	<b>GMX</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/11/2023	20/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	<b>BHN</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/11/2023	20/12/2023	28/11/2023	27/11/2023	<b>NO1</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/11/2023	20/12/2023	5/12/2023	4/12/2023	<b>NTP</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/11/2023	20/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	<b>PMW</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/11/2023	20/12/2023	28/11/2023	27/11/2023	<b>VCW</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---